

# しごとのための にほんご

## Tiếng Nhật dành cho công việc

むりょう  
Miễn  
phí

Português  
English  
Español  
汉语



### コース情報（じょうほう） / Thông tin khóa học

| No. | 会場(かいじょう)<br>Địa điểm                                                                                                                                                                                                  | レベル<br>Trình<br>độ | コーススケジュール<br>Lịch trình khóa học                                                        | 申込締切<br>(もうしこみしめきり)<br>Hạn đăng ký | レベルチェック<br>テスト<br>Bài thi kiểm tra<br>trình độ |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------|
| 267 | まなびの館ローズコム<br>Manabinoyakata<br>Rose Com<br><br>福山市霞町1-10-1<br>(ふくやまし kasumi-chō)<br>1-10-1<br>1-10-1<br>Kasumi-cho<br>Fukuyama-shi | 1                  | 2025/7/3 ~ 2025/9/26<br><br>月(げつ)・木(もく)・金(きん)<br>Thứ 2・Thứ 5・Thứ 6<br><br>18:00 ~ 21:00 | 6/19                               | 6/26<br>18:00                                  |

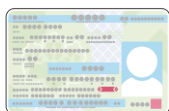
### 申込(もうしこみ) / Cách đăng ký

**ハローワーク**で申込(もうしこみ)  
Đăng ký tại Văn phòng ổn định  
việc làm **Hello Work**

レベルチェックテスト  
Bài thi kiểm tra trình  
độ

研修(けんしゅう)スタート  
Bắt đầu khóa đào tạo

申込(もうしこみ)に必要な(ひつよう)なもの  
Những thứ cần thiết để đăng kí.



在留(ざいりゅう)カード  
または パスポート  
Thẻ lưu trú Hoặc hộ chiếu

ジャイスげんちれんらくちょうせい いん かわはら  
JICE現地連絡調整員 河原 マリアエレーナ

☎ 080-7399-3835

✉ tabunka144@softbank.ne.jp

にほんご / Español / Português / English



# 在留資格(ざいりゅうしかく) / Tư cách lưu trú

永住者(えいじゅうしゃ)、日本人(にほんじん) の配偶者等(はいぐうしゃとう)、永住者(えいじゅうしゃ) の 配偶者等(はいぐうしゃとう)、定住者(ていじゅうしゃ)など、仕事(しごと)ができる在留資格(ざいりゅうしかく)の方(かた)   
 Người cư trú vĩnh trú, có vợ (chồng) là người nhật, người có vợ (chồng) là người cư trú vĩnh trú, người cư trú định trú, người có tư cách (được phép) làm việc hoặc người đang tìm việc, đặc biệt là những người cư trú dài hạn v..v

## レベル / Trình độ

1

初(はじ)めて日本語(にほんご)を勉強(べんきょう)する人(ひと)、日本語(にほんご)が少(すこ)し話(はな)せるが、ひらがな・カタカナの読(よ)み書(か)きが苦手(にがて)な人(ひと)のコースです。  
 Đây là khóa học dành cho người mới bắt đầu học tiếng Nhật, và người có thể nói một chút tiếng Nhật, nhưng còn yếu về kỹ năng đọc, viết Hiragana và Katakana.

## おもな学習内容（がくしゅうないよう） / Nội dung học tập chính

このコースでは、安定就労(あんていしゅうろう)に向(む)けて、「求職活動(きゅうしょくかつどう)」や「はたらく」場面(ばめん)で用(もち)いる日本語(にほんご)や日本(にほん)の職場習慣(しょくばしゅうかん)、雇用慣行(こようかんこう)などを学習(がくしゅう)します。

仕事(しごと)のための会話(かいわ)の練習(れんしゅう)、文字(もじ)とことばの練習(れんしゅう)、履歴書(りれきしょ)の書(か)き方(かた)、面接(めんせつ)の受(う)け方(かた)など。

Trong khóa học này, bạn sẽ học tiếng Nhật sử dụng trong các tình huống “Làm việc”, tập quán ở nơi làm việc của Nhật Bản và thói quen tuyển dụng, v.v... để có được việc làm ổn định.

Thực hành hội thoại cho công việc, Luyện chữ cái và từ vựng, Cách viết Bản sơ yếu lý lịch, Cách trả lời phỏng vấn, ...

## 注意事項（ちゅういじこう） / Điểm cần lưu ý

- ・申込(もうしこみ)が多(おお)いコースは、早(はや)く受付(うけつけ)を終(お)わる場合があります。
- ・レベルチェックテストは、かならず受(う)けてください。  
研修(けんしゅう)に参加(さんか)できるかどうかは、テストの結果(けっか)で決(き)まります。
- ・レベルチェックテストには、えんぴつと消(け)しゴムをもってきてください。
- ・ Việc tiếp nhận đăng ký có thể sẽ kết thúc trong trường hợp số người đăng ký quá đông.
- ・ Nhất định hãy tham gia bài thi kiểm tra trình độ.  
Tùy vào kết quả của bài thi, có thể bạn sẽ không được tham gia khóa đào tạo.
- ・ Hãy mang theo bút chì và cục tẩy để làm bài thi kiểm tra trình độ.

ハローワーク福山  
(ふくやま)  
Hello Work Fukuyama



ハローワークって？  
Hello Work là gì?



通訳 (つうやく) がいる  
ハローワーク  
Hellowork có phiên dịch viên.



JICE Website

<https://www.jice.org/tabunka/recruit/>



JICE Tabunka en



JICE Facebook

しごとのためのにほんご

<https://www.facebook.com/jice.tabunka/>



Japan International  
Cooperation Center

Shinjuku Dai-ichi Seimei Bldg., 16th Floor 2-7-1,  
Nishi-shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo 163-0716